

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ
TỈNH G** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/HS-ST
Ngày: 27/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân H

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị C - Nguyên Hiệu trưởng Trường tiểu học số 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G.

- Bà Huỳnh Thị N D - Nguyên Phó hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Võ Thị Sáu, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn T - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn N T - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 15/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-HS ngày 12/3/2024, đối với bị cáo:

Nguyễn T (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh ngày 05/8/2000, tại tỉnh G; Nơi cư trú: Thôn 3, xã T, huyện Đ, tỉnh G; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 4/12; con ông Nguyễn Th - sinh năm 1970 và bà Huỳnh Thị Minh T - sinh năm 1975. Hiện cha mẹ bị cáo trú tại: Thôn 3, xã T, huyện Đ, tỉnh G; Gia đình bị cáo có 04 anh em, lớn nhất sinh năm 1993, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Nông Phan Bích N, sinh ngày 11/9/2007. Trú tại: Tổ 1, phường H, thành phố P, tỉnh G. Có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nông Văn M, sinh năm: 1981 (cha ruột). Trú tại: Tổ 1, phường H, thành phố P, tỉnh G. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Nguyễn Thị Hiền V: Bà Nguyễn Hoàng Kim L - Luật sư Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm nhà nước pháp lý nhà nước tỉnh G. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 7/2022, Nguyễn T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Samsung và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO thông qua tài khoản Facebook tên “Nguyen T” nhắn tin làm quen, kết bạn với tài khoản Facebook tên “Hong Nhung” của Nông Phan Bích N (sinh ngày 11/9/2007 trú tại Tổ 2, thị trấn I, huyện C, tỉnh G; Nơi ở hiện tại: Tổ 1, phường H, thành phố P, tỉnh G). Trong thời gian quen nhau N tự giới thiệu tên là Nhung và sinh năm 2003. Do vậy, trong thời gian từ tháng 10/2022 đến tháng 11/2022, T và N đã tự nguyện quan hệ T dục với nhau tổng cộng 06 lần cụ thể như sau:

Lần thứ nhất và thứ hai: Vào cuối tháng 10/2022 (không nhớ ngày), Nguyễn T nhắn tin hẹn Bích N đi chơi lễ hội hoa Dã quỳ thuộc xã Chư Đăng Ya, huyện C, tỉnh G, N đồng ý và nói T đến Quảng trường Đại đoàn kết thành phố P, tỉnh G để chờ N nên T điều khiển xe mô tô biển số 81B3 - 200.50 đến chờ N đi. Sau khi đi chơi xong, T chở N đến nhà nghỉ NTP thuộc Tổ dân phố 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G để thuê phòng ngủ lại qua đêm. Tại đây, T và N tự nguyện quan hệ T dục với nhau 02 lần và xuất tinh ra ngoài. Đến khoảng 06 giờ sáng hôm sau, T chở N về thành phố P, tỉnh G rồi để N tự đi về nhà.

Lần thứ ba và thứ tư: Vào đầu tháng 11/2022 (cách lần thứ nhất khoảng 10 ngày), T điều khiển xe mô tô biển số 81B3 - 200.50 chở N đi chơi và uống cà phê tại Quảng trường thành phố P, tỉnh G. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T chở N đến tiệm sửa xe của Nguyễn Văn H (sinh năm 1996 trú tại thôn B, xã H, huyện Đ, tỉnh G) thuộc thôn T, xã Trang, huyện Đ, tỉnh G để chơi và uống bia cùng H và Nguyễn Hữu H1 (sinh năm 1992 trú tại thôn R, xã K, huyện Đ, tỉnh G). Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, H và H1 đi về còn T và N ngủ lại tiệm sửa xe của H rồi cả hai tự nguyện quan hệ T dục với nhau 02 lần và xuất tinh ra ngoài. Đến sáng hôm sau, T chở N về thành phố P, tỉnh G để N tự đi về nhà.

Lần thứ năm và thứ sáu: Vào khoảng cuối tháng 11/2022 (không nhớ rõ ngày) T điều khiển xe mô tô biển số 81B3 - 200.50 đến Quảng trường thành phố P, tỉnh G chở N đến thành phố K, tỉnh K để lấy xe mô tô của N cho bạn mượn từ trước. Đến khoảng 18 giờ vẫn không lấy được xe nên T và N đến nhà nghỉ “VTV” số 161 đường TVH, Phường T, thành phố K, tỉnh K để thuê phòng nghỉ qua đêm. Tại đây, T và N tự nguyện quan hệ T dục với nhau 02 lần và xuất tinh ra ngoài. Đến sáng hôm sau, T

chở N về lại thành phố P, tỉnh G để N tự đi về nhà và T cũng điều khiển xe mô tô về nhà.

Ngày 04/3/2023, anh Nông Văn M (sinh năm 1981 trú tại Tổ 2, thị trấn I, huyện C, tỉnh G; Nơi ở hiện tại: Tổ 1, phường H, thành phố P, tỉnh G - Cha của Nông Phan Bích N) làm đơn tố giác tội phạm đến cơ quan chức năng yêu cầu xử lý theo quy định.

Theo kết luận giám định xâm hại T dực ở trẻ em số 189/KLTDTE-TTPY ngày 21/4/2023 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh G kết luận đối với Nông Phan Bích N: Toàn thân không dấu vết thương tích; Môi lớn, Môi bé, Âm đạo, Tầng sinh môn, Hậu môn không tổn thương; Màng trinh không có điểm xung huyết, không xuất huyết; Hiện tại chưa có dấu hiệu mang thai.

Theo Phiếu xét nghiệm vi sinh HIV số 35/BV-01 ngày 12/4/2023 của Trung tâm y tế huyện Đ, tỉnh G đối với Nguyễn T kết luận: Âm tính.

2. Về vật chứng:

01 xe mô tô biển số 81B3 - 200.50, nhãn hiệu Honda, số loại Vission, màu sơn xanh đen (đã qua sử dụng) và 02 điện thoại di động (trong đó: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung (đã qua sử dụng) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO (đã qua sử dụng) của Nguyễn T là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ để xử lý tại giai đoạn xét xử.

3. Về dân sự: Bị cáo Nguyễn T đã tác động gia đình (cụ thể là anh Nguyễn Th sinh năm 1970 - bố của Nguyễn T) bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 50.000.000 đồng, bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu gì thêm và đã làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

4. Cáo trạng của Viện kiểm sát: Tại Cáo trạng số 23/CT-VKS ngày 21/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo Nguyễn T về tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự. Tại phiên toà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên nội dung đã truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Về điều luật, tội danh và hình phạt:

Căn cứ a khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn T phạm tội: “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*”. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Về án phí: Buộc bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng đã được người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] ***Về hành vi bị truy tố của bị cáo:*** Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận về hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và đã được Hội đồng xét xử thẩm tra công khai tại phiên tòa, đủ cơ sở kết luận: Do Nguyễn T và Nông Phan Bích N (chưa đủ 16 tuổi) có mối quan hệ quen biết với nhau từ trước nên trong khoảng thời gian từ tháng 10/2022 đến tháng 11/2022 T và N đã tự nguyện quan hệ T dục với nhau 06 lần cụ thể: Vào cuối tháng 10/2022, tại nhà nghỉ NTP thuộc Tổ dân phố 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G, T và N quan hệ T dục với nhau 02 lần; tháng 11/2022, tại thôn T, xã Trang, huyện Đ, tỉnh G, T và N quan hệ T dục với nhau 02 lần và cuối tháng 11/2022 tại nhà nghỉ bảng hiệu “VTV” 161 đường TVH, Phường T, thành phố K, tỉnh K, T và N quan hệ T dục với nhau 02 lần.

Bị cáo là người trên 18 tuổi, có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện hành vi quan hệ T dục đối với người dưới 16 tuổi là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền được bảo vệ về thân thể, nhân phẩm, danh dự và sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của trẻ em, gây dư luận xấu trong nhân dân, làm ảnh hưởng đến đạo đức xã hội. Bị cáo đã thực hiện quan hệ T dục 06 lần với bị hại. Do vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn T đã phạm vào tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” với T tiết định khung là “*phạm tội 2 lần trở lên*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng các T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và không pH chịu T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt đối với bị cáo: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các T tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng cho bị cáo, cần thiết pH xử phạt bị cáo nghiêm khắc bằng mức hình phạt tù có thời hạn mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy

nhiên, xét thấy bị cáo được hưởng nhiều T tiết giảm nhẹ nên áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự khi lượng hình đối với bị cáo.

[5] Về dân sự: Bị cáo Nguyễn T đã tác động gia đình bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 50.000.000 đồng, bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu gì thêm nên Hội ddoognf xét xử miễn xét.

[6] Về vật chứng: 01 xe mô tô biển số 81B3 - 200.50, nhãn hiệu Honda, số loại Vission, màu sơn xanh đen (đã qua sử dụng) và 02 điện thoại di động (trong đó: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung (đã qua sử dụng) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO (đã qua sử dụng) của Nguyễn T là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội, cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

[7] Về các vấn đề khác: Đối với Nguyễn Văn H là người thuê nhà để mở tiệm sửa xe thuộc thôn T, xã Trang, huyện Đ, tỉnh G nơi T và N thực hiện hành vi giao cấu với nhau lần thứ ba và thứ tư nhưng H không biết nên không có căn cứ xử lý.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật được áp dụng:

- Điều a khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự.

- Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

2. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn T phạm tội: “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*”.

3. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn T 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

4. Về vật chứng: Trả lại cho bị cáo Nguyễn T các tài sản sau:

- 01 xe mô tô biển số 81B3 - 200.50, nhãn hiệu Honda, số loại Vission, số khung LRHJK0318MZ129091, số máy JK03E5335341, dung tích xi lanh 109cm³. T trạng cũ đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung, màu vàng đồng, số Imie1: 350472/09/351374/6, số Imei2:354073/09/351374/4. T trạng máy bề màn hình, hư hỏng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu vàng đồng, số Model: CPH1701. Trang máy bề màn hình, hư hỏng, không kiểm tra được số Imei.

T trạng vật chứng như thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/3/2024 giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Sở tư pháp tỉnh G;
- Bị cáo; bị hại; đại diện hợp pháp bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, cq.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân H